UB tỉnh Hưng Yên
VT: Vũ Thị Thu Cúc
Giờ ký: 2017.09.27
13:49:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2607/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 27 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư xây dựng công trình Hoàn trả trạm bơm Giang thuộc dự án xây dựng tuyến đường nội bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hoàn trả trạm bơm Giang thuộc dự án xây dựng tuyến đường nội bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1844/TTr-SKHĐT ngày 07/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư xây dựng công trình Hoàn trả trạm bơm Giang thuộc dự án xây dựng tuyến đường nội bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Báo cáo KTKT: Công trình Hoàn trả trạm bơm Giang thuộc dự án xây dựng tuyến đường nội bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên.

3. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo KTKT: Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Thái Hưng.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo KTKT: KS. Hoàng Xuân Hưởng.

5. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hoàn trả trạm bơm Giang thuộc dự án xây dựng tuyến đường nội bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của huyện Kim Động nói riêng và của tỉnh Hưng Yên nói chung, nâng cao năng lực phục vụ của

hệ thống thủy lợi, góp phần xóa đói giảm nghèo, thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; góp phần hoàn thiện hệ thống thủy lợi trong toàn huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Các chỉ tiêu thiết kế công trình:

+ Tần suất thiết kế mực nước khi tưới: P= 85%.

+ Tần suất thiết kế mực nước khi tiêu: P= 10%.

+ Tần suất kiểm tra mực nước khi tiêu: P= 5%.

- Khu vực công trình nằm trong tiểu khu thủy lợi Ân Thi có:

+ Hệ số tưới thiết kế cho các khu thủy lợi (đầu mối): q= 1,35 l/s/ha;

+ Hệ số tưới thiết kế cho các khu thủy lợi (đầu mối): q= 1,80 l/s/ha;

+ Hệ số tiêu thiết kế cho các khu thủy lợi: q= 5,79 l/s/ha;

+ Hệ số tiêu cho các khu công nghiệp, đô thị: $q_{tiêu}$= 16,5 l/s/ha.

6.2. Quy mô đầu tư:

- Phá dỡ công trình hiện tại gồm: Cống qua đê hiện trạng móng kết cấu bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ, tấm lắp bê tông cốt thép, hệ thống giàn van; nối tiếp 2 bên cống móng, mái xây đá hộc.

- Nhà trạm bơm: Xây dựng trạm bơm gồm 03 tổ máy bơm không ống cột nước thấp HĐ 4000-2,0 động cơ 33 kw; nhà trạm bơm 01 tầng kích thước thông thủy nhà trạm bxlxh= 5,59mx7,0mx4,5m được bố trí kết hợp phía trên buồng hút trạm bơm.

+ Cao trình đáy buồng hút: -0,50 m.

+ Kết cấu: Nền móng nhà được gia cố bằng cọc tre Φ(6-8)cm, chiều dài cọc L= 3,0m, mật độ cọc 25cọc/m^2; bê tông lót móng mác 100 đá 4x6 dày 10 cm; đáy nhà đổ BTCT mác 200 dày 50cm đá 2x4; tường trụ pin nhà máy đổ BTCT mác 200 đá 1x2; sàn động cơ đổ BTCT mác 200 đá 1x2 dày 15cm; tầng động cơ sử dụng kết cấu khung bê tông cốt thép mác 200 chịu lực, tường xây gạch chỉ vữa XM mác 75, trát vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm, toàn bộ quét vôi ve 3 nước; mái đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2 dày 10cm; lợp mái tôn chống nóng dày 0,42mm.

+ Hệ thống chống sét, hệ thống điện, hệ thống ống thu nước mái, cửa sổ và cửa đi.

+ Bệ đặt máy: Cao trình mặt bệ đặt máy bơm tưới: +0,52m; cao trình mặt bệ đặt máy bơm tiêu: +1,02m.

+ Sàn động cơ: Cao trình mặt sàn bơm tưới: +2,50m; cao trình mặt sàn bơm tiêu: +3,00m.

+ Bể hút: Được kết hợp nằm phía dưới nhà trạm; có kết cấu móng được gia cố bằng cọc tre D(6-8)cm, chiều dài cọc L = 3,0m, mật độ cọc 25cọc/m^2; đáy đổ bê tông lót mác 100 dày 10cm, móng đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 2x4 dày 50cm; tường chắn đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2.

+ Bể xả: Được kết hợp nối tiếp với nhà trạm, chiều dài bể xả L= 7,95m, chiều rộng bể xả B= 7,3m.

Phần nối tiếp với nhà trạm có kết cấu móng được gia cố bằng cọc tre D(6-8) cm, chiều dài cọc L= 3,0m, mật độ cọc 25cọc/m^2; đáy đổ bê tông lót mác 100 dày 10 cm, móng đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 2x4 dày 50cm; tường chắn đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2.

Phần mở rộng mái bể xả hệ số mái m= 1,5; mái có kết cấu phía dưới đổ bê tông lót mác 100 dày 10cm, phía trên đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2 dày 20cm; đỉnh mái xây tường chắn bằng gạch chỉ vữa XMCV mác 75, trát toàn bộ phần tường bằng XMCV mác 75 dày 1,5cm, dưới đổ bê tông mác 200 đá 2x4, rải nilong lót tái sinh, dưới cát đen đệm móng dày 10cm; thành bể xả bố trí hệ thống dầm, cột lan can bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, lan can bằng thép ống mạ kẽm D76.

Phần tường chắn đất bể xả có kết cấu phía dưới có kết cấu móng được gia cố bằng cọc tre D(6-8)cm, chiều dài cọc L= 3,0 m, mật độ cọc 25cọc/m^2 đổ bê tông lót mác 100 dày 10cm, móng đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 2x4; tường chắn đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, trên bố trí hệ thống dầm, cột lan can bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, lan can bằng thép ống mạ kẽm D76.

+ Phần cửa phía sông: B= 4,5m được gia cố bằng cọc tre D(6-8)cm, chiều dài cọc L= 2,5m, mật độ cọc 25cọc/m^2; đáy đổ bằng bê tông lót mác 100 dày 10cm, móng đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 2x4 dày 30cm; tường cánh đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2; hai bên cửa xây đá hộc; chân khay lót móng đá 2x4 dày 10cm, xây đá hộc vữa XMCV mác 100; mái xây đá hộc lớp lót đá 2x4 dày 10cm, mái xây đá hộc vữa XMCV mác 100 dày 30cm.

+ Phần sân phía đồng: B= 7,1m cát đen lót đáy móng dày 10cm; nilong lót tái sinh; bê tông mác 200, đá 2x4 dày 30cm. Phần tường chắn đất có kết cấu phía dưới kết cấu móng được gia cố bằng cọc tre D(6-8)cm, chiều dài cọc L= 3,0m, mật độ cọc 25cọc/m^2 đổ bê tông lót mác 100 dày 10cm, móng đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 2x4; tường chắn đổ bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, trên bố trí hệ thống dầm, cột lan can bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, lan can bằng thép ống mạ kẽm D76.

+ Làm đường bê tông chiều rộng mặt đường phía trước nhà trạm B= 3,65m, cao trình mặt đỉnh đường thiết kế +3,5m; đường bê tông qua cống B từ 4,5 đến 6,6m, cao trình đỉnh +3,87m; kết cấu lớp mặt đường bằng bê tông mác 250 đá 2x4 dày 20cm, dưới là cát đen tạo phẳng dày trung bình 3 cm, tiếp theo lần lượt là các lớp cấp phối đá dăm loại II dày 15cm, lớp cát đắp đầm chặt K= 0,95 và lớp dưới cùng đất đắp K= 0,90.

+ Hệ thống điện hạ áp lấy từ trạm bơm Tạ Thượng 1 (không phải đầu tư trạm biến áp): Sử dụng loại cột ly tâm LT10D, cột đôi cho vị trí bắc qua sông Điện Biên; sử dụng cột ly tâm LT7,5B, cột đơn cho vị trí cột đỡ; móng cột được đúc tại chỗ bê tông mác 200 đá 1x2; phần đường dây 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn AL/XLPE 4x185mm^2; các phụ kiện của cáp vặn xoắn như mã ốp, kẹp đỡ

cáp, kẹp xiết cáp...đảm bảo cách điện; đấu nối đường dây 0,4kV xuống công tơ sử dụng ghíp đồng nhôm tiết diện phù hợp.

+ Hệ thống điện nhà trạm bố trí hệ thống gồm các tủ điện và dây cáp gồm: Tủ điện tổng 1000A KT 1800x1000x600 sơn tĩnh điện đồng bộ (gồm 1 ATM 3 pha 1000A, đặc tính, cắt nhiệt, cắt từ và các phụ kiện đồng bộ theo tủ); tủ tụ bù 240KVAr-440v bù tự động 12 bước KT 1800x1000x600 sơn tĩnh điện đồng bộ (điều khiển tự động 12 cấp, ATM tổng 400A, 12 bình tụ mỗi bình 20KVAr và các phụ kiện đồng bộ theo tủ); tủ điện phân phối 400A KT 1350x700x600 sơn tĩnh điện đồng bộ (gồm 1 ATM 3 pha 250A, đặc tính, cắt nhiệt, cắt từ và các phụ kiện đồng bộ theo tủ); tủ điện tổng 250A KT 1350x700x600 sơn tĩnh điện đồng bộ (gồm 1 ATM 3 pha 250A, đặc tính, cắt nhiệt, cắt từ và các phụ kiện đồng bộ theo tủ); tủ điện đa năng 100A KT 800x600x220 sơn tĩnh điện đồng bộ điều khiển động cơ 33 Kw (01ATM, 01CTT 85A, 01 Role nhiệt 85A, 01 Times 24h (Modun thời gian 24h), 01 CM, 01 Vonmet, 01 Ampemet 0-150A, nút đóng, cắt, đèn báo, TI, thanh cái,...); tủ điều khiển máy đóng mở VĐ10; dây cáp điện và các phụ kiện đi kèm.

- Hệ thống điều tiết: Bố trí 04 cửa điều tiết kết hợp cùng với khu nhà trạm, kết cấu BTCT, kích thước 01 cửa bxh= 2,5mx3,25m; cao trình đáy -0,5m; kết cấu dàn van điều tiết: Thiết kế dàn van bằng BTCT mác 200 đá 1x2 cm và cánh cống bằng thép, nâng và hạ cánh cống bằng máy đóng mở kiểu vít loại VĐ10.

- Cống tiêu qua đê: Xây dựng cống tiêu qua đê dẫn nước vào bể hút với chiều dài bản đáy cống L= 15,50 m, tiết diện cống hộp hình chữ nhật với kích thước bxh= (2,5x2,5)m, cao trình đáy cống -0,5m, cao trình trần cống +2,30m, chiều rộng mặt đường qua đỉnh cống B= 6,6m. Kết cấu cống: Nền móng cống được gia cố bằng cọc tre Φ(6-8)cm, chiều dài cọc L= 3,0m, mật độ 25cọc/m^2; lót đáy móng cống bằng BTXM mác 100 đá 4x6cm dày 10cm; đáy cống bằng bê tông cốt thép mác 200 đá 2x4cm dày 45 cm; tường cống xây gạch chỉ đặc vữa XMCV mác 75, trát tường vữa XMCV mác 75 dày 1,5cm; trần cống bằng bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2cm; bố trí bể tiêu năng phía đồng dưới rải cát đen lót móng dày 10 cm; nilong lót tái sinh; móng bằng bê tông mác 200 đá 2x4; tường bể bằng bê tông mác 200 đá 1x2cm; gia cố phần nối tiếp cống phía đồng với kết cấu đỉnh mái xây đá hộc XMCV mác 100, mái xây đá hộc vữa XMCV mác 75, phía dưới rải đá dăm lót 1x2cm dày 10cm, phía trên bố trí hệ thống dầm, cột lan can bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, lan can bằng thép ống mạ kẽm D76.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

8. Diện tích sử dụng đất: Công trình xây dựng chủ yếu trên diện tích công trình cũ.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công trình thủy lợi, cấp IV.

10. Tổng dự toán : 6.500.000.000 đồng

(Sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	3.448.641.000 đồng
- Chi phí thiết bị	:	2.093.852.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	125.280.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	401.673.000 đồng
- Chi phí khác	:	271.194.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	159.360.000 đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Hình thức Quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức, thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của Luật Xây dựng.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017-2018.

Điều 2: Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh; Giá trị dự toán được duyệt làm cơ sở để chủ đầu tư quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1[LT].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Quang